

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM TRỰC  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 24 - 9 - 2021  
V/v ly hôn giữa chị H và anh N

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Xuân Tiến

Bà Đặng Thị Thu Hương

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1988 (vắng mặt);

ĐKHKT: Số , tầng số, đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định;

Nơi ở: Số nhà, đường M, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1978 (vắng mặt)

ĐKHKT: Số , tầng số, đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định;

Nơi ở: Xóm, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2021 và bản tự khai ngày 16/8/2021 nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:* Chị và anh Nguyễn Thành N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định vào ngày 10/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh N có quan hệ với người phụ nữ khác, thuê nhà tại xóm , xã N, huyện N để ở, từ đó vợ chồng sống ly thân không quan

tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn , không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Giữa chị và anh N có 02 con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 09/10/2014 và Nguyễn Đức D, sinh ngày 12/01/2020, các con đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được nuôi cả hai con, yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Trường hợp anh N không đồng ý chị đề nghị Tòa án giải quyết giao mỗi người nuôi một con, chị xin được nuôi cháu D và giao cháu V cho anh N nuôi, chị và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2021 bị đơn anh Nguyễn Thành N trình bày:* Anh và chị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định vào ngày 10/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống anh, từ đầu năm 2020 anh thuê nhà tại xóm, xã N, huyện N ở, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn.

Về con chung: Giữa anh và chị H có 02 con chung tên tuổi của các con đúng như chị H trình bày, hiện các con đang ở cùng chị H. Khi vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi một con, anh xin được nuôi cháu Nguyễn Tường V, giao cháu Nguyễn Đức D cho chị H nuôi, anh và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trường hợp chị H nhận nuôi cả hai con anh cũng đồng ý, nhưng anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về thủ tục tố tụng:* Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

*Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:*

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thành N.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 12/01/2020 cho chị Trần Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Tường V, sinh

ngày 09/10/2014 cho anh Nguyễn Thành N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về án phí DSST: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thành N đều xin giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thành N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định vào ngày 10/10/2012, vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, từ năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H và anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị H và anh N không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Thành N của chị Trần Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh N có 02 con chung, hiện đang ở với chị H. Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị của các đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Chị H và anh N đều có ý kiến giao mỗi người nuôi một con là phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn giao con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 12/01/2020 cho chị Trần Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Tường V, sinh ngày 09/10/2014 cho anh Nguyễn Thành N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị H trách nhiệm giao con chung là Nguyễn Tường V cho anh N nuôi dưỡng.

Chị H và anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thành N.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao chị Trần Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 12/01/2020 và giao anh Nguyễn Thành N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 09/10/2014; chị H và anh N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị H có trách nhiệm giao con Nguyễn Tường V cho anh N nuôi dưỡng.

Chị H và anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo Biên lai số 0003703, ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- UBND phường T, Tp N;
- Lưu HS.

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Ánh**